

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Séc lẾp - Tù do - H'nh Phóc**

Bản án số: 04 /2025/ HNGĐ-ST

Ngày: 28-3-2025.

V/v: “Kiện xin ly hôn và tranh
chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hải và bà Phan Thị Tuyết;

-Thư ký phiên tòa:

Bà Phan Thị Thùy Liên, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án Nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 82/2024/TLST- HNGĐ , ngày 03 tháng 10 năm 2024, về việc xin ly hôn và tranh chấp nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1993.

Nơi ĐKNKTT: Thôn Đ, xã V, huyện B, tỉnh Q.

Tạm trú tại: Tổ 1, khu phố 4, phường A, thành phố P, tỉnh K; có đơn xin vắng mặt.

-Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1991.

Nơi ĐKNKTT: Thôn Đ, xã V, huyện B, tỉnh Q.

TạmTrú tại: Thôn D, xã V, huyện B, tỉnh Q; có mặt.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 77, quyền số 01-2013, ngày 04/11/2013 của UBND xã V, huyện B, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị Thanh H trình bày như sau:

Chị H và anh H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Q vào ngày 04 tháng 11 năm 2013; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xảy ra cãi vã nhau; vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Hiện tình cảm không còn, không thể hàn gắn được nên chị H xin ly hôn anh H.

Hai vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Anh C, sinh ngày 15/6/2014 và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 12/01/2017; chị H nhất trí sau ly hôn giao cả hai con cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh H trình bày: Trình bày của chị H đúng sự thật. Nay chị H ly hôn anh H đồng ý ly hôn. Hai vợ chồng có hai con chung như chị H trình bày, anh H xin được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị H đóng góp phí tổn nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hai con chung là Nguyễn Anh C và Nguyễn Khánh L có đơn xin ở với bố (anh H).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp phát sinh giữa chị H và anh H là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền của Tòa án Nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh H đã làm bản tự khai, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có Đơn yêu cầu xin vắng mặt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và xin vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị H với lý do chị đang sống và làm việc ở tỉnh Kiên Giang, đi lại khó khăn, chị H thừa nhận đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng Tòa án gửi cho chị. Tòa án Nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Do vậy, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Q vào ngày 04/11/2013; đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị sống phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, tình cảm không thể hàn gắn được, nay anh, chị đã sống ly thân. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị H và anh H đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau,

nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân gia đình, xử cho chị H được ly hôn anh H là có căn cứ.

[3]. Về con chung:

Hai anh, chị có hai con chung là Nguyễn Anh C, sinh ngày 15/6/2014 và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 12/01/2017; chị H nhất trí sau ly hôn giao cả hai con cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H xin nuôi cả hai con không yêu cầu chị H đóng góp phí tổn nuôi con, nên giao hai con cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5]. Về án phí: Chị H chịu nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung công quỹ Nhà nước.

[6]. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử, chị Trần Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Xuân H.

2. Về con chung: Giao hai con Nguyễn Anh C, sinh ngày 15/6/2014 và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 12/01/2017 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị H không phải đóng góp phí tổn nuôi con.

Cấm anh H ngăn cản chị H quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh H chịu nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) chị H đã nộp theo Biên lai số 0002698 ngày 03 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình; như vậy, chị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5.Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/3/2025); nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch(2)
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Chị Trần Thị Thanh H;
- Anh Nguyễn Xuân H;
- Ban Tư pháp xã V;
- Lưu hồ sơ, vpTòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân